VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây viết tắt là Hội đồng quản lý); mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ sở giáo dục đại học; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ quy định của Thông tư này và các quy định của Đảng và của pháp luật liên quan để áp dụng cho phù hợp.

4. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc thành lập Hội đồng quản lý

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng của tổ chức. Khuyến khích thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư này.

2. Điều kiện, thủ tục và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 2, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

Điều 4. Đề án thành lập Hội đồng quản lý

Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP gồm các nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập Hội đồng quản lý;

2. Vị trí, chức năng;

3. Nhiệm vụ và quyền hạn;

4. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý; nhiệm vụ cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý;

5. Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;

6. Kiến nghị của đơn vị đề nghị thành lập Hội đồng quản lý (nếu có).

Chương II
VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 5. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề quan trọng của đơn vị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản lý.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và các thành viên khác.

2. Thành phần Hội đồng quản lý

a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp hoặc đại diện cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

b) Đại diện một số đơn vị cấp trên trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về các lĩnh vực: kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ, nghiệp vụ chuyên môn; 01 đại diện của cơ quan cấp trên khi cần thiết.

c) Người đứng đầu, 01 cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Đại diện lãnh đạo cấp ủy Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Số lượng, cơ cấu, thành phần của Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định cụ thể trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này, yêu cầu thực tiễn, đặc thù của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

Điều 7. Nguyên tắc và chế độ làm việc

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết.

b) Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

c) Văn bản của Hội đồng quản lý ban hành được sử dụng con dấu của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần. Hội đồng quản lý họp đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoặc theo ý kiến của 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành cuộc họp (khi Chủ tịch ủy quyền).

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể mời đại diện một số cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tham dự cuộc họp của Hội đồng quản lý để tham khảo ý kiến. Đại diện được mời dự họp Hội đồng quản lý không có quyền biểu quyết.

3. Chế độ làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định căn cứ vào yêu cầu thực tế và quy định của pháp luật, các thành viên khác của Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

4. Nghị quyết của Hội đồng quản lý

a) Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được ghi thành văn bản, có ý kiến, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản lý dự họp hoặc ý kiến bằng văn bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản lý trong trường hợp không tổ chức cuộc họp.

b) Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản lý tham dự cuộc họp nhất trí thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp không tổ chức cuộc họp, Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản lý nhất trí bằng văn bản.

c) Các nội dung không được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản lý hoặc bị phủ quyết khi đã được biểu quyết trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc người tham dự cuộc họp Hội đồng quản lý phát hiện và có bằng chứng chứng minh có vi phạm quy định của pháp luật.

d) Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý.

5. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, chế độ phụ cấp và chế độ khác (nếu có) cho các thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý.

c) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý.

d) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản lý.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập với cơ quan quản lý cấp trên.

c) Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét và giải quyết đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 9. Quy chế hoạt động

1. Hội đồng quản lý làm việc theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Đề cương Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

a) Thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hằng năm; đề xuất nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý.

c) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý. Chịu trách nhiệm về

các quyết định của Hội đồng quản lý, và chịu trách nhiệm cá nhân về biểu quyết của mình trong các cuộc họp Hội đồng quản lý.

d) Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.

2. Thư ký của Hội đồng quản lý

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này và trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý những nhiệm vụ sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;

b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý;

c) Nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao và theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Điều hành hoạt động và ký các văn bản theo ủy quyền.

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

b) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

c) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hằng năm, hằng quý của Hội đồng quản lý; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.

d) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý; ủy quyền cho Phó chủ tịch chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý trong trường hợp vắng mặt; chỉ đạo chuẩn bị các chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý.

đ) Ký các văn bản của Hội đồng quản lý.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật hoặc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 11. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

1. Thành viên Hội đồng quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là công chức hoặc viên chức;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao;

c) Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật;

d) Có trình độ từ đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao;

đ) Có kinh nghiệm từ 03 năm trở lên trong ngành hoặc lĩnh vực liên quan;

e) Đủ tuổi công tác ít nhất 01 nhiệm kỳ 05 năm đối với công chức, viên chức; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định;

g) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

h) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có năng lực quản lý và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn như người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định pháp luật và quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý.

Điều 12. Điều kiện miễn nhiệm

Miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

2. Chuyển công tác khác;

3. Tự nguyện xin thôi giữ chức vụ bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

4. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

5. Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

6. Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

7. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng công chức, viên chức ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

8. Có các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

9. Trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễm nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

2. Quyết định thành lập, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm lập hồ sơ thành lập Hội đồng quản lý, chuẩn bị hồ sơ bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022.

2. Thông tư số 13/2017/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2017/TT-BKHCN) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã thành lập theo quy định của Thông tư số 13/2017/TT-BKHCN tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

Điều 3. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có)

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản lý

Điều 8. Thủ tục giới thiệu thành viên Hội đồng quản lý và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo

Điều 9. Khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản lý

Chương II
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 10. Nguyên tắc chung

Điều 11. Chế độ làm việc, chế độ họp của Hội đồng quản lý

Điều 12. Quyết nghị của Hội đồng quản lý

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng quản lý

Điều 14. Quản lý văn bản, tài liệu của Hội đồng quản lý

Điều 15. Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý

Chương III
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và các cơ quan quản lý cấp trên

Điều 15. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và các đơn vị, tổ chức đoàn thể của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Điều 17. Điều khoản thi hành